

Số: 4931 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 04 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu Tái định cư tại phường Bạch Đằng do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng làm Chủ đầu tư

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm



quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng tại Văn bản số 2063/BQL-DA1 ngày 02/12/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 853/TTr-SNNMT ngày 04 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu Tái định cư tại phường Bạch Đằng (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Bạch Đằng, thành phố Hải Phòng với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ, khoản 1 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4.

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý hồ sơ thẩm định và các tài liệu liên quan đến Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo quy định; chủ trì cùng Ủy ban nhân dân phường Bạch Đằng và các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện những nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, các yêu cầu tại Quyết định này và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Giao Ủy ban nhân dân phường Bạch Đằng có trách nhiệm căn cứ thẩm quyền theo quy định của pháp luật để hướng dẫn, kiểm tra, xử lý vi phạm; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan đối với Chủ dự án. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát những nội dung về bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Tổng Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng và Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. *W*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch;
- PCT TT Lê Anh Quân;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng;
- UBND phường Bạch Đằng;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố (để công khai);
- CVP, PCVP Phạm Anh Tuấn;
- Các phòng: NNMT, NVKTGS;
- Lưu: VT, T.L.Khiết.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Anh Quân

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU TÁI ĐỊNH
CƯ TẠI PHƯỜNG BẠCH ĐẰNG**

(Kèm theo Quyết định số 4931 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2025 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu Tái định cư tại phường Bạch Đằng.
- Địa điểm thực hiện: phường Bạch Đằng, thành phố Hải Phòng.
- Chủ dự án đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng.
- Địa chỉ: số 14 đường Minh Khai, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

1.2. Phạm vi, quy mô của Dự án:

- Quy mô đầu tư:
 - + Nhóm dự án: Nhóm B.
 - + Quy mô sử dụng đất: 199.350 m². Trong đó: Đất ở: 80.788,3 m²; Đất giáo dục: 2.667,6 m²; Đất văn hóa: 779,3 m²; Đất tôn giáo: 700,50 m²; Đất hạ tầng kỹ thuật 817,2 m²; Đất cây xanh, mặt nước: 23.292 m²; Đất giao thông: 91.005,6 m².
 - + Quy mô đầu tư: Xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư trên diện tích 199.350 m² phục vụ nhu cầu tái định cư cho khoảng 887 hộ dân.
- Phạm vi báo cáo đánh giá tác động môi trường:
 - + Hạng mục giải phóng mặt bằng;
 - + Hạng mục thi công xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư trên diện tích 199.350 m², bao gồm các hạng mục công trình chủ yếu: san nền, đường giao thông, cây xanh, hệ thống thoát nước thải và trạm xử lý nước thải, cấp nước, phòng cháy chữa cháy, hệ thống cấp điện, điện chiếu sáng, thông tin liên lạc đồng bộ, kè đá học xung quanh khu vực dự án;
 - + Hạng mục vận hành ổn định Dự án;
 - + Trách nhiệm và quản lý công trình của các đơn vị có liên quan.
- Phạm vi đánh giá tác động môi trường không bao gồm:
 - + Hoạt động khai thác nguyên vật liệu phục vụ dự án;
 - + Hoạt động thi công xây dựng các công trình nhà ở, tôn giáo, văn hoá, giáo

dục theo quy hoạch, việc phát sinh, quản lý các chất thải trong quá trình thi công xây dựng các công trình nhà ở, tôn giáo, văn hoá, giáo dục theo quy hoạch và việc phát sinh, quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại trong quá trình vận hành dự án đối với các công trình nhà ở, tôn giáo, văn hoá, giáo dục.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án:

1.3.1. Các hạng mục công trình:

(1) Hạng mục san nền: dự kiến cao độ thiết kế +2,65m, san nền sẽ được thực hiện cùng với công tác thi công nền mặt đường các tuyến đường trong khu vực.

(2) Hạng mục đường giao thông: Toàn bộ khu có tổng 28 tuyến đường với chiều dài $L=5.882$ km; mặt đường rộng 7–10 m, kết cấu mặt đường cấp cao A1; tải trọng 10 tấn.

(3) Hạng mục trồng cây xanh: trồng cây xanh sử dụng công cộng là 8.628 m² và cây xanh chuyên dụng $1.716,1$ m² phân bố đều nhằm tạo không gian cảnh quan và tăng chất lượng môi trường.

(4) Hạng mục cấp nước, phòng cháy chữa cháy: đầu nối vào tuyến trục HDPE D315 – gần đoạn đường tỉnh 359 từ nhà máy nước Sông Giá, bố trí trụ cứu hỏa theo quy chuẩn. Đường ống cấp nước nên đặt bên dưới vỉa hè, độ sâu đặt ống trung bình 0,7m, ống ngang qua đường độ sâu < 1m có biện pháp bảo vệ phù hợp.

(5) Hạng mục cấp điện, điện chiếu sáng: Nguồn điện từ đường điện 22kv cấp cho các trạm biến áp công suất từ 160kVA - 22/0,4kV đến 1250kVA - 35(22)/0,4kV. Hệ thống điện chiếu sáng bố trí hệ thống chiếu sáng cân đơn chiếu sáng một bên vỉa hè, lấy từ tủ điện tổng thuộc TBA xây dựng mới của dự án, sử dụng đèn LED công suất từ 100w đến 150w.

(6) Hạng mục kè đá hộc quanh quanh khu vực dự án: kè đá hộc gia cố mái taluy, gia cố phần bờ giáp với ruộng hiện trạng.

(7) Thông tin liên lạc: hệ thống thông tin liên lạc của dự án được nối ghép vào mạng viễn thông chung của phường.

(8) Hạng mục thoát nước mưa: Hệ thống thoát nước mưa thiết kế tách riêng với nước thải, dùng cống BTCT D600–D2000 đặt dưới vỉa hè, thoát theo chế độ tự chảy. Ga thu – ga thăm bố trí trung bình 20–30 m, đảm bảo thu nước mặt kịp thời. Nước mưa thoát ra kênh Phán Đạt phía Tây dự án. Cao độ san nền và tuyến cống đảm bảo thoát nước an toàn, tránh ngập úng.

(9) Hạng mục thoát nước thải và trạm xử lý nước thải: Hệ thống thoát nước thải tách biệt hoàn toàn với nước mưa, thu gom bằng ống D200–D300 dẫn về trạm xử lý nước thải công suất 950 m³/ngày đêm. Trạm xử lý nước thải đặt

ngầm, kín, dùng công nghệ sinh học AO-MBBR, nước sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT – (cột A, $F \leq 2000$) trước khi xả vào hệ thống khu vực.

Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường: hệ thống thu gom, thoát nước mưa; hệ thống thu gom, xử lý nước thải; thu gom, quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại.

1.3.2. Các hoạt động của Dự án đầu tư:

- Giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng dự án: phát quang thực vật; san lấp mặt bằng; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, phế thải; hoạt động xây dựng các hạng mục công trình.

- Giai đoạn vận hành: hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án; hoạt động của cư dân sinh sống tại khu tái định cư; hoạt động của giáo viên, học sinh; hoạt động trung tâm văn hóa, tôn giáo, hoạt động vận hành trạm xử lý nước thải tập trung.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Các yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên là 16,72 ha (thuộc điểm d khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Giai đoạn chuẩn bị, xây dựng dự án: hoạt động phát quang thực vật; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, phế thải; hoạt động xây dựng các hạng mục công trình phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại, có nguy cơ tác động đến khu dân cư, công trình xung quanh, ảnh hưởng đến cảnh quan xung quanh, tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy, nổ,...

- Giai đoạn vận hành: hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án, hoạt động vận hành trạm xử lý nước thải tập trung phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải; hoạt động của cư dân sinh sống tại khu tái định cư; hoạt động của giáo viên, học sinh; hoạt động trung tâm văn hóa, tôn giáo; hoạt động vận hành trạm xử lý nước thải tập trung phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất nước thải:

a) Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt của 87 công nhân lao động phát sinh trong quá trình chuẩn bị và thi công xây dựng với lưu lượng khoảng 4 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ và các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh.

- Nước thải xây dựng phát sinh từ hoạt động vệ sinh phương tiện, thiết bị thi công với lưu lượng khoảng 5 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, bùn cát, váng dầu mỡ.

b) Giai đoạn vận hành Dự án:

Nước thải sinh hoạt khoảng 950 m³/ngày. Thành phần ô nhiễm chính trong nước thải sinh hoạt gồm các chất cặn bã, chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ, chất dinh dưỡng (N, P) và vi khuẩn gây bệnh, dầu mỡ động thực vật.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô và tính chất khí thải:

a) Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng:

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, thi công xây dựng, hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công của Dự án. Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, NO_x, SO₂, VOCs...

b) Giai đoạn vận hành Dự án:

- Khí thải, bụi từ phương tiện giao thông ra vào dự án. Nhiên liệu đốt cho quá trình vận hành các phương tiện vận tải thường là xăng và dầu Diesel, vì vậy trong khói thải xe sẽ phát sinh bụi và các khí độc SO₂, NO_x, CO.

- Mùi từ quá trình vận hành hệ thống xử lý nước tập trung, công suất 950 m³/ngày đêm. Do đặc trưng là nước thải sinh hoạt, vì vậy sẽ phát sinh khí thải gây mùi H₂S, NH₃, Metyl mercaptan.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.2.1. Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường:

a) Giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân lao động phát sinh trong quá trình thi công xây dựng với khối lượng khoảng 38 kg/ngày đêm. Thành phần chủ yếu gồm: bao bì, giấy, vỏ chai lọ, hộp thức ăn, thức ăn thừa.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ quá trình phát quang thảm thực vật với khối lượng khoảng 37 tấn. Thành phần chủ yếu gồm: cây cỏ dại, rom rạ.

- Chất thải rắn thông thường (chất thải xây dựng) từ hoạt động: đào bóc tách lớp đất mặt (lớp đất hữu cơ): 43.660 tấn, đất đào: 81.968 tấn, đất dôi dư: 32.788 tấn phá dỡ công trình: 1.507 tấn, gạch, vữa thải từ quá trình rơi vãi trong quá trình xây dựng (17 tấn). Thành phần chủ yếu gồm: đất thải, gạch vỡ, sắt thép, gỗ thải....

b) Giai đoạn vận hành Dự án:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khu dân cư khoảng 5 tấn/ngày đêm và khu trạm xử lý nước thải là 1,3 kg/ngày đêm. Thành phần chủ yếu gồm: bao bì, giấy, vỏ chai lọ, hộp thức ăn, thức ăn thừa.

- Chất thải bùn từ hệ thống thu/thoát nước mưa, nước thải khoảng 30 kg/ngày.

- Chất thải bùn từ hệ thống xử lý nước thải tập trung khoảng 190 kg/ngày.

3.2.2. Chất thải nguy hại:

a) Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng: tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 385 kg. Cụ thể:

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái	Ký hiệu phân loại	Khối lượng dự kiến (kg)
1	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 03	Rắn	KS	20
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	NH	1
3	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 01	Rắn	KS	25
4	Các loại chất thải xây dựng và phá dỡ khác (bao gồm cả hỗn hợp chất thải) có các thành phần nguy hại (chối sơn, con lăn sơn thải)	11 08 03	Rắn	KS	7
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	NH	130
6	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	Rắn	KS	180

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái	Ký hiệu phân loại	Khối lượng dự kiến (kg)
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (bao gồm cả gói thấm dầu thải)	18 02 01	Rắn	KS	22
	Tổng				385

b) Giai đoạn vận hành Dự án: Tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 799 kg/năm. Cụ thể:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (bao gồm cả gói thấm dầu thải, than hoạt tính)	Rắn	18 02 01	KS	731
2	Chất hấp thụ NaOH	Lỏng	02 02 01	NH	68
	Tổng				799

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng: phát sinh từ phương tiện, hoạt động thi công xây dựng của dự án.

- Giai đoạn vận hành Dự án: phát sinh từ hoạt động của phương tiện ra vào Dự án, hoạt động của hệ thống xử lý nước thải (công suất 950 m³/ngày đêm), hoạt động của hệ thống xử lý mùi (lưu lượng 1.800 m³/giờ).

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a) Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt của 87 công nhân lao động phát sinh trong quá trình chuẩn bị và thi công xây dựng khoảng 4 m³/ngày: sử dụng 5 nhà vệ sinh di động container dạng 2 buồng (dung tích bể chứa chất thải của mỗi nhà vệ sinh di động 3 m³), chất thải từ nhà vệ sinh di động sẽ được chuyển giao (định kỳ 3 ngày/lần)

cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý, tuyệt đối không xả nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng ra môi trường.

- Nước thải xây dựng: bố trí hệ thống rãnh thoát nước kích thước (0,5 m x 0,5 m) để thu gom nước thải xây dựng tại công trường thi công đưa vào hố tách dầu kích thước khoảng 2 m³ (2 m x 2 m x 0,5 m) và hố lắng với thể tích khoảng 6m³ (2 m x 2 m x 1,5 m). Nước sau xử lý được tái sử dụng cho hoạt động rửa xe, tuyệt đối không xả ra môi trường. Định kỳ (03 tháng/lần) thay thế gổĩ thấm dầu để đảm bảo hiệu quả tách dầu. Gổĩ thấm dầu được quản lý như chất thải nguy hại.

b) Giai đoạn vận hành Dự án:

- Nước thải sinh hoạt được thu gom về xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 950 m³/ngày đêm (chia thành 02 module, công suất mỗi module đạt 50% tổng công suất của trạm để đảm bảo cho hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung trong giai đoạn đầu của Dự án). Công nghệ xử lý: AO-MBBR.

- Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung như sau:

Nước thải sinh hoạt → Bể gom nước thải → Bể tách cát, dầu mỡ → Bể điều hoà → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể thu nước tuần hoàn → bể lắng → bể khử trùng → bồn lọc áp lực → Bể chứa sau xử lý → kênh Phán Đạt.

Trong giai đoạn đầu, khu vực dân cư chưa được lấp đầy dự án sẽ cân đối và có lộ trình vận hành cho từng Module để đảm bảo hệ thống xử lý nước thải vận hành hiệu quả.

- Vị trí xả nước thải: theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiều 3⁰, cụ thể:

- Tại hố gas cuối: X(m) = 2316619.683; Y(m) = 601034.287

- Tại kênh Phán Đạt: X (m) = 2316592.972; Y (m) = 600984.495.

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 950 m³/ngày đêm.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (Cột A, F≤2.000).

- Công trình thủy lợi tiếp nhận nước thải: Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt quy chuẩn qua đường ống HDPE D1500 chảy vào kênh Phán Đạt thuộc Hệ thống thủy lợi Thủy Nguyên.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Xây dựng hệ thống thu gom, công trình xử lý nước thải phục vụ giai đoạn thi công xây dựng trước khi thực hiện các hoạt động thi công xây dựng Dự án, đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án được thu gom, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan.

- Hoạt động chuyên giao nước thải sinh hoạt trong quá trình thi công xây dựng tuân thủ theo quy định tại khoản 4 Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 31 Điều 1 Nghị

định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống thu gom nước thải và trạm xử lý nước thải tập trung, đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ các nguồn nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của khu tái định cư đạt QCVN 14:2025/BTNMT
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung, (cột A, $F \leq 2000$) trước khi xả ra điểm xả nước thải và thoát ra kênh Phán Đạt, sau đó thoát ra sông Cẩm. Không được phép xả nước thải không đáp ứng yêu cầu này ra môi trường trong mọi trường hợp.

- Thực hiện kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo trạm xử lý nước thải tập trung luôn vận hành bình thường; việc vận hành trạm xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung theo quy định; lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra.

- Khi sự cố của hệ thống xử lý nước thải xảy ra cần nhanh chóng khắc phục và toàn bộ phần nước thải được lưu chứa tạm thời trong các bể xử lý của hệ thống xử lý nước thải. Trường hợp, sự cố kéo dài và các bể không còn khả năng lưu chứa thì phải thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

a) Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng:

- Thực hiện thi công cuốn chiếu, dứt điểm theo từng khu vực; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo vệ sinh với tần suất tối thiểu 01 lần/ngày.

- Phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định, chỉ sử dụng các phương tiện thi công còn hạn đăng kiểm, sử dụng phương tiện thi công dùng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; thường xuyên bảo dưỡng các loại xe và thiết bị xây dựng để giảm thiểu tối đa lượng bụi và khí thải ra

- Cầu rửa xe được bố trí ở cổng vào công trường để làm sạch các phương tiện thi công trước khi di chuyển ra khỏi công trường.

- Bố trí xe chuyên dụng để tưới nước dập bụi trên tuyến đường nội bộ phục vụ thi công và tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu chính ở phạm vi cách Dự án khoảng 01 km với tần suất từ 01 lần/ngày (trừ những ngày mưa), tăng tần suất tưới vào mùa khô; phun ẩm bề mặt trước khi đào đắp các công trình xây dựng với tần suất 02 lần/ngày, tăng tần suất khoảng 3 – 4 lần/ngày trong mùa khô; phun nước làm ẩm khu vực tập kết nguyên vật liệu trước và sau quá trình tập kết.

- Bố trí đội vệ sinh môi trường, hàng ngày thực hiện dọn dẹp, thu gom toàn bộ đất, cát rơi vãi trên các công ra vào công trình, trên tuyến đường vận chuyển.

b) Giai đoạn vận hành Dự án:

- Lắp đặt hệ thống xử lý mùi cho hệ thống xử lý nước thải tập trung tại khu vực hạ tầng kỹ thuật của Dự án (quạt thu khí có công suất 1.800 m³/giờ). Mùi phát sinh từ hoạt động của trạm xử lý nước thải được thu gom, xử lý bằng công nghệ hấp thụ bằng dung dịch NaOH + hấp phụ than hoạt tính, đảm bảo khí thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột A, F≤2000)).

Quy trình công nghệ xử lý mùi như sau: Mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải (gồm: bể gom nước thải, bể tách cát dầu mỡ, bể điều hoà, bể hiếu khí, bể khử trùng) → Quạt hút → Tháp xử lý mùi (hấp thụ NaOH, tách ẩm, hấp phụ bằng than hoạt tính) → Ống thoát khí → Môi trường.

- Thực hiện trồng cây xanh với tổng diện tích 10.344 m²; duy trì, chăm sóc cây xanh đô thị.

- Bố trí bảo vệ điều tiết phân luồng giao thông và hướng dẫn đỗ xe đúng nơi quy định.

c) Yêu cầu bảo vệ môi trường:

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong các giai đoạn của Dự án; giám sát các nhà thầu thi công trong việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng; bảo đảm môi trường không khí xung quanh trong giai đoạn thi công xây dựng của Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án đảm bảo tỷ lệ cây xanh tối thiểu, khoảng cách an toàn về môi trường và bố trí hành lang cây xanh cách ly đối với trạm xử lý nước thải tập trung của Khu đô thị theo đúng quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Vận hành 01 hệ thống xử lý mùi từ hệ thống xử lý nước thải tập trung để hạn chế mùi hôi và khí thải phát sinh; đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp ((cột A, F≤2000). Thông số giám sát: H₂S, NH₃, Metyl mercaptan.

- Các hố ga được thiết kế có nắp đậy kín bên trên và định kỳ thực hiện nạo vét thu gom bùn, bảo trì các thiết bị.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a) Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: bố trí các thùng rác có nắp đậy với 03 màu sắc khác nhau theo quy định để thu gom từng loại chất thải sau phân loại tại

nguồn; đảm bảo thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh; hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực định kỳ thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải từ phát quang thực vật: Chất thải phát sinh từ quá trình phát quang được thu gọn trên phần ranh giải phóng mặt bằng của Dự án, hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng xử lý hàng ngày.

- Đối với chất thải rắn xây dựng:

+ Đất bóc hữu cơ và đất dôi dư: bố trí khu vực tập kết tạm bố trí trong phạm vi công trường, có mái dốc, rãnh thoát nước bao quanh, cách xa khu dân cư và nguồn nước. Đất hữu cơ tận dụng hoàn toàn để trồng cây xanh và hoàn trả mặt bằng dự án (không chuyển giao) khoảng 43.660 tấn, phần đất đào dôi dư khoảng 32.788 tấn được chuyển giao cho đơn vị có chức năng tiếp nhận, xử lý theo quy định (dự án tái sử dụng đất đào 49.180 tấn để san lấp, nâng cao cos nền tại dự án).

+ Chất thải rắn xây dựng khác và chất thải phá dỡ công trình: Phân loại tại nguồn: bố trí khu vực lưu chứa tạm thời, dự kiến diện tích khoảng 20 m² chất thải tái chế được chuyển giao cho đơn vị có chức năng tái chế theo quy định; chất thải không thể tái chế được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành Dự án:

+ Chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải được phân loại tại nguồn thành ba nhóm: (1) chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; (2) chất thải thực phẩm; và (3) chất thải rắn sinh hoạt khác sau đó chuyển giao cho đơn vị thu gom tại địa phương vận chuyển, xử lý.

Đối với chất thải sinh hoạt phát sinh từ nhà dân, khu văn hoá, tôn giáo, giáo dục do người dân và các chủ dự án các khu văn hoá, tôn giáo, giáo dục có trách nhiệm phân loại, thu gom, quản lý và chuyển giao cho đơn vị chức năng để xử lý theo quy định.

+ Bùn thải từ hệ thống thu - thoát nước và trạm xử lý nước thải tập trung: Đơn vị quản lý, vận hành hợp đồng với tổ chức có đủ chức năng để thực hiện định kỳ nạo vét, thu gom, vận chuyển và xử lý lượng bùn cặn phát sinh theo đúng quy định (không bao gồm bùn bể phốt).

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn thông thường phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được phân loại, thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, các văn bản pháp luật có liên quan và các quy định trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

a) Giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng:

Phân loại, thu gom và lưu chứa từng loại chất thải nguy hại phát sinh bằng các thùng chứa riêng biệt có nắp đậy kín, đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường và có gắn dấu hiệu cảnh báo nguy hại; bố trí kho chứa tạm thời bằng container diện tích 20m² để lưu chứa chất thải nguy hại bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có dán nhãn và gắn biển hiệu cảnh báo; định kỳ 06-12 tháng/lần tùy theo thực tế phát sinh chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 07/2025/BTNMT ngày 28/02/2025.

b) Giai đoạn vận hành Dự án:

- Chất thải nguy hại được phân loại tại nguồn.

- Bố trí 1 công trình lưu giữ chất thải nguy hại tại khu hạ tầng kỹ thuật, nền chống thấm, mái che kín, có biển cảnh báo, khóa an toàn, phương tiện phòng cháy chữa cháy và các vật liệu khác đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tuân theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 07/2025/BTNMT ngày 28/02/2025.

- Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý toàn bộ chất thải nguy hại của Dự án theo quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng: Sử dụng máy móc, phương tiện thi công đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, có tiếng ồn, độ rung thấp; các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; không thi công vào các khung giờ buổi trưa; Phương tiện vận chuyển không chở vượt quá tải trọng cho phép, tắt máy khi không cần thiết.

- Giai đoạn vận hành Dự án: Gắn các biển báo giao thông quy định tốc độ, giảm tốc độ, không dùng còi xe ở các khu vực đông dân cư.

- Yêu cầu về môi trường: Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2025/BNMT; Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

QCVN 27:2025/BNMT; Tuân thủ các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

4.4.1.1. Giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng:

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:
- + Thực hiện rà phá bom, mìn khu vực Dự án trước khi thi công.
- + Trước khi tiến hành các hoạt động thi công, Chủ đầu tư sẽ phối hợp cùng các nhà thầu thi công tổ chức buổi tập huấn cho cán bộ, công nhân về an toàn lao động, nội quy lao động, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy; thông tin với chính quyền địa phương và người dân xung quanh dự án về kế hoạch triển khai, thi công dự án.
- + Áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến, cơ giới hoá các thao tác và quá trình thi công đến mức tối đa nhằm rút ngắn thời gian thi công trong từng giai đoạn dự án.
- + Đảm bảo hệ thống thoát nước mưa trên công trường không bị ứ đọng, tắc nghẽn; phòng ngừa ứng phó sự cố ngập úng.

4.4.1.2. Giai đoạn vận hành Dự án

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: xây dựng phương án phòng chữa cháy trình thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định; lắp đặt hệ thống báo cháy cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy theo quy định.
- Thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác theo quy định của pháp luật.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác: không

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

Chủ dự án đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như sau:

5.1. Chương trình quản lý môi trường

- Giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng:

Chủ dự án là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng chịu trách nhiệm quản lý và thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường cho các hoạt động: rà phá bom mìn; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu; hoạt động thi công các hạng mục công trình ...

- Giai đoạn vận hành:

+ Sau khi hoàn thành các hạng mục: san nền, đường giao thông, cây xanh, hệ thống thoát nước thải và trạm xử lý nước thải, hệ thống cấp nước, phòng cháy chữa cháy, hệ thống cấp điện, điện chiếu sáng, thông tin liên lạc, kè đá hộc xung quanh khu vực dự án kết nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu vực xung quanh theo quy định; được nghiệm thu hoàn thành để đưa vào sử dụng, nhà đầu tư có trách nhiệm bàn giao đất và toàn bộ các hạng mục này cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để sử dụng chung, quản lý, vận hành theo quy định.

Đơn vị quản lý và vận hành dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

5.2. Giám sát môi trường

- *Chương trình giám sát bụi, khí thải:* không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường định kỳ.

- *Chương trình giám sát nước thải:* Dự án không thuộc đối tượng bắt buộc phải quan trắc nước thải tự động, liên tục; Dự án thuộc đối tượng quan trắc nước thải định kỳ theo quy định khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP (chủ dự án lựa chọn quan trắc nước thải định kỳ theo quy định)

+ Vị trí giám sát: Mẫu nước thải tại hố ga cuối trước khi đầu nối ra nguồn tiếp nhận nước thải là kênh Phán Đạt.

+ Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, TSS, Amoni, tổng N, tổng P, tổng Coliform, Sunfua, dầu mỡ động thực vật, chất hoạt động bề mặt anion.

+ Tần suất: 03 tháng/lần

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2025/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (cột A, $F \leq 2\,000$)

- *Chương trình giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:*

+ Giám sát việc thực hiện phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; thu gom, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại theo quy định.

+ Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Chỉ được triển khai Dự án trên diện tích đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đã thực hiện các thủ tục về chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đền bù, giải phóng mặt bằng, giao đất, thuê đất theo đúng quy định).



- Đảm bảo sự phù hợp của Dự án đối với các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt, chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình Dự án (bao gồm cả việc hoàn trả công trình thủy lợi bị chiếm dụng, hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; hoàn trả công trình đường điện theo phương án đã được phê duyệt, chấp thuận theo quy định).

- Lắp đặt hệ thống biển báo, mốc giới thi công trong khu vực Dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho người dân trong khu vực Dự án về thời gian và địa bàn thi công, xây dựng; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an toàn giao thông đường bộ và đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân trong thời gian thi công.

- Tuân thủ các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố, an toàn lao động, xây dựng, tài nguyên nước và các quy định của pháp luật trong các hoạt động của dự án.

- Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và quy định khác có liên quan; chỉ được phép đổ thải các loại chất thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án vào các vị trí phù hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép bằng văn bản và phải có biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển và đổ thải.

- Tuyệt đối không xả nước thải phát sinh từ bể phốt, hầm cầu (phát sinh từ việc sử dụng các nhà vệ sinh lưu động) ra ngoài môi trường. Hoạt động chuyển giao nước thải tuân thủ theo quy định tại khoản 4 Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 31 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn, ngập úng do việc thực hiện Dự án; xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, tiếng ồn, độ rung, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn môi trường liên quan.

- Chủ dự án chịu trách nhiệm toàn bộ và cam kết đền bù, khắc phục ô

nhiệm trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường và xảy ra sự cố rủi ro, tai biến địa chất, sụt lún, ngập lụt, ngập úng cục bộ, ảnh hưởng đến hạ tầng xung quanh do quá trình thực hiện Dự án gây ra.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình biện pháp bảo vệ môi trường khác; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường để được cấp Giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định của pháp luật./

